

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-3-2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Thu Hà**.

2. Ông **Phạm Quang Nghĩa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Diễm** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 377/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị T**, sinh năm: 1978. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp BH, xã XP, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Dân tộc: Chơ Ro.

2. *Bị đơn:* Anh **Thổ C**, sinh năm: 1976. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp BH, xã XP, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Dân tộc: Chơ Ro.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-5-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị T trình bày:

Chị và anh Thổ C cùng tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban

nhân dân phường XT, thị xã LK (nay là thành phố LK), tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu, cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do anh Thổ C thường hay uống rượu, mắng chửi chị, hay ghen vô cớ và không cho chị vào nhà, từ tháng 3-2020 chị đã thuê nhà sống riêng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn anh Thổ C.

Về con chung: Chị và anh Thổ C có 03 người con chung tên Thổ N, sinh ngày 22-10-2002, đã trưởng thành, có việc làm đủ khả năng tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng; Thổ K, sinh ngày 04-5-2007 và Thổ P, sinh ngày 28-6-2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thổ P, anh Thổ C trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Thổ K, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai và không ai nợ vợ chồng.

- *Bị đơn anh Thổ C trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Thị T về diễn biến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị Thị T. Cuộc sống chung của vợ chồng có mâu thuẫn như chị Thị T trình bày, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 03 người con chung tên Thổ N, sinh ngày 22-10-2002, đã trưởng thành, có việc làm, đủ khả năng tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thổ K, chị Thị T trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Thổ P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến:

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị T, về hôn nhân: Chị Thị T được ly hôn anh Thổ C; về con chung: Chị Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Thổ P, sinh ngày 28-6-2015; anh Thổ C trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Thổ K, sinh ngày 04-5-2007, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tư cách tham gia tố tụng và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:* Chị Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Thổ C. Như vậy, chị Thị T là nguyên đơn, anh Thổ C là bị đơn; anh Thổ C có nơi thường trú tại ấp BH, xã XP, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, như vậy Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Thị T và anh Thổ C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Thị T và anh Thổ C.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số R00101, Quyền số 01, ngày 05-12-2001, Ủy ban nhân dân phường XT, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai, cấp cho chị Thị T và anh Thổ C đúng quy định, nên quan hệ hôn nhân giữa Thị T và anh Thổ C là hợp pháp.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị Thị T và anh Thổ C thống nhất trình bày: Vợ chồng sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh chị không còn sống chung từ tháng 3-2020 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm. Do đó, đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân của anh Thổ C và chị Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị Thị T được ly hôn với anh Thổ C là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung:*

Chị Thị T và anh Thổ C thống nhất có 03 người con chung tên Thổ N, sinh ngày 22-10-2002, đã trưởng thành, có việc làm đủ khả năng tự nuôi bản thân nên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng; Thổ K, sinh ngày 04-5-2007 và Thổ P, sinh ngày 28-6-2015. Khi ly hôn, chị Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thổ P, anh Thổ C trực tiếp nuôi dưỡng người con tên Thổ K, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của anh, chị trùng với nguyện vọng của các con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận.

Chị Thị T và anh Thổ C thống nhất không bên nào cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[6] *Về tài sản:*

Chị Thị T và anh Thổ C không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[7] *Về nợ chung:*

Chị Thị T và anh Thổ C trình bày không có, nên không xét.

[8] *Về án phí:*

Chị Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định trên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39 và Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị T và anh Thổ C.

2. Về nuôi con chung:

Người con chung tên Thổ N, sinh ngày 22-10-2002, đã trưởng thành, có việc làm, đủ khả năng tự nuôi bản thân nên không giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng;

Chị Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thổ P, sinh ngày 28-6-2015; anh Thổ C là người trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thổ K, sinh ngày 04-5-2007, đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc khi chị Thị T và anh Thổ C có yêu cầu khác.

Tạm thời chị Thị T và anh Thổ C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Thị T và anh Thổ C được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc và giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Thị T phải nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị Thị T nộp theo Biên lai thu tiền số **0006733** ngày **20-5-2021**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND phường XT, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng